

Số: 11/BKS.

TP Vinh, ngày 29 tháng 04 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2020**

Kính thưa quý vị đại biểu!

Thưa toàn thể cổ đông!

- ❖ Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2015).
- ❖ Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong bản điều lệ Công ty cổ phần Dệt May Hoàng Thị Loan.
- ❖ Căn cứ vào các Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020 của Tổng giám đốc Công ty.
- ❖ Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt.
- ❖ Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

I. Đặc điểm tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh:

- Năm 2019, tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn trong đó nguyên nhân chủ yếu do cuộc chiến thương mại Mỹ -Trung kéo dài và chưa có dấu hiệu chấm dứt. Giá sợi giảm rất sâu, sức mua đối với thị trường cũng giảm rất nhiều do thị trường lo ngại về chiến tranh thương mại có thể leo thang khiến cho tình hình tiêu thụ của công ty gặp rất nhiều trở ngại.

- Lao động năm 2019 biến động nhiều, việc tuyển dụng gặp nhiều khó khăn do tính chất đặc điểm ngành nghề độc hại, mức lương chưa phải là hấp dẫn. Địa phương xuất hiện các khu công nghiệp mới, xuất khẩu lao động nước ngoài tăng cao.

- Mức lương tối thiểu vùng tăng dẫn đến chi phí tiền lương, BHXH tăng cao.
- Việc thiếu hụt lao động Q4/2019 dẫn đến tăng ca làm tăng chi phí tiền lương của công ty.

1. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu(Theo nghị quyết ĐHCĐ):

STT	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	NĂM 2019		TỶ LỆ SO SÁNH (%)	
				NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	NQ (KẾ HOẠCH)	CÙNG KỲ
1	Doanh thu	Tr.đồng	937.734	1.000.500	922.133	92,17%	98,34%
2	Kim ngạch XK	1000 \$	25.150	27.000	15.560	57,63%	61,87%
3	Sản lượng	Tấn	17.986	18.500	14.957	80,85%	83,16%
4	Thu nhập BQ/Ng/Tháng	1000 đ	6.965	6.800	7.365	109,04%	106,46%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.017	15.000	-30.587	-203,91%	-305,35%
6	Cổ tức năm	%/VĐL	15	15-20%	0		

Qua bảng trên ta thấy các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch trừ chỉ tiêu về thu nhập.

2. Tình hình thực hiện SXKD năm 2019:

2.1. Tình hình sản xuất

a. Công tác thực hiện kế hoạch sản xuất.

Trong năm sản lượng sản xuất không đạt được như kế hoạch. Nguyên nhân:

- Thị trường biến động thất thường, nhu cầu sợi xuất khẩu và nội địa giảm sút do đó trong năm tiêu thụ chậm.

- Lượng sợi tồn kho đầu năm 2019 cao, trong năm có những lúc phải sản xuất cầm chừng không theo đơn đặt hàng đi kèm là giảm lượng sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế.

b. Công tác thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật

Nhìn chung một số chỉ tiêu về định mức kinh tế kỹ thuật các nhà máy so với định mức chưa đạt yêu cầu : chỉ tiêu điện, chất lượng...

Hao phí nguyên liệu: Định mức bông (1.115 kg bông/kg sợi), thực hiện(1.124 kg bông/kg sợi).

Hao phí điện: Định mức(2.84Kw/kg sợi), thực hiện(2.89Kw/kg sợi).

Hao phí lao động: kế hoạch(13.8 công/tấn), thực hiện (14.96 công/tấn).

Song các chỉ tiêu này hàng năm được cải thiện so với năm trước liền kề (năm sau giảm hơn so với năm trước)

2.2. Công tác công nghệ và quản lý thiết bị:

a. Công tác Công nghệ:

- Trong năm 2019, lượng bông nguyên tồn kho nhiều với nhiều loại bông với phẩm cấp chất lượng khác nhau, song nhà máy và các đơn vị liên quan đã chủ động linh hoạt trong công

tác pha trộn nguyên liệu, từ đó đưa ra được các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng nguyên liệu đầu vào, duy trì ổn định sản xuất.

b. Công tác chăm sóc, tu sửa thiết bị:

- Công tác chăm sóc thiết bị luôn được chú trọng, từ công tác thực hiện lịch xịch đến công tác chăm sóc chiều sâu, cải tiến hợp lý hóa nâng cao hiệu quả thiết bị, nhờ vậy mà các chỉ tiêu về hiệu suất đều tăng hơn so với cùng kỳ 2018.

- Đầu năm 2019 công ty đã đưa vào hoạt động dây bông chải mới đầu tư gồm 2 dây bông và 25 máy chải mới, thanh lý toàn bộ các máy chải cũ C40 của hãng Marzoly. Đồng thời năm 2019 đưa một số máy ghép, máy thô, máy ống từ nhà máy sợi Bắc Ninh về lắp đặt sản xuất, thanh lý toàn bộ các máy ghép cũ hãng Riter D10, D30 và một số máy ống 338 và Savio đã cũ. Thanh lý 14 máy con RC cũ hãng Marzoli. Sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng gian bông chải, ghép thô, máy ống đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sản xuất. Vì vậy trong năm 2019 công ty đã đáp ứng được yêu cầu thị trường sợi, yêu cầu về chất lượng, giảm điện năng, tăng năng suất...

3. Công tác thị trường, đơn hàng:

Năm 2019, công tác thị trường đơn hàng gặp rất nhiều khó khăn: Có những tháng đơn hàng không đầy tải gây khó khăn cho việc triển khai sản xuất, kéo theo chi phí sản xuất trên 1 kg sợi tăng theo. Đứng trước những khó khăn đó thì ban lãnh đạo công ty và phòng ban liên quan đã có những giải pháp như sau:

- Tính toán các phương án SXKD, tiêu thụ sản phẩm cũng được điều chỉnh theo hướng thị trường và lợi nhuận từng đơn hàng cụ thể. Thay vì sản xuất các mặt hàng sợi truyền thống như sợi Ne 30/1 TCD 65/35, sợi Ne 32/1 CD, Sợi Ne 32/2 CD càng chạy càng lỗ, công ty đã chủ động chuyển sang chạy các mặt hàng khác như: Sợi 100% PE, Sợi CVCD, sợi Siro cho những tháng đơn hàng không đầy tải.

- Nỗ lực đã phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu: sợi TCD (Nam Mỹ), sợi PE (Hàn Quốc), sợi CVCD (Ai Cập) nhưng vẫn chủ yếu là Thị trường Ai Cập.

- Đẩy mạnh việc tiêu thụ ở thị trường nội địa cụ thể: năm 2018 tỷ lệ tiêu thụ sợi nội địa chiếm khoảng 35% trên tổng doanh thu thì năm 2019 tỷ lệ là 50% trên tổng doanh thu.

4. Về công tác lao động, đào tạo, chế độ chính sách người lao động, an toàn lao động:

4.1 Tình hình biến động lao động năm 2019:

- Đầu năm 2019 Công ty có 837 người.

- Số LĐ tăng trong kỳ: 55

- Số LĐ giảm trong kỳ: 214

- Số lao động hiện có đến 31/12/2019: 678 người

Tổng số lao động trong năm biến động giảm nhiều. Nguyên nhân là trong khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh các doanh nghiệp mở ra nhiều người lao động có nhiều sự lựa chọn, bên cạnh đó điều kiện đi xuất khẩu lao động hiện nay dễ dàng nên người lao động nghỉ thôi việc tại Công ty để đi XK lao động nhiều.

4.2 Công tác đào tạo, tuyển dụng, ký kết hợp đồng LĐ:

- Đã tốt nghiệp cho 36 học sinh học lớp tại chức ngành Dệt Sợi, do Trường ĐH Công nghiệp phối hợp ĐH Bách khoa HN tổ chức tại Trường ĐH Công nghiệp Nghệ An khóa 2014-2018

- Cử 9 cán bộ đi học lớp Giám đốc xí nghiệp do Trường Đại Học Công nghiệp Dệt May Hà Nội thực hiện

- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất trong năm 2019 đã đào tạo mới 11 HS. Trong đó công nhân đứng máy sợi 10 HS; công nhân bảo toàn 1 HS. Đào tạo nghề 2: 18 HS, trong đó công nhân đứng máy sợi 15 HS công nhân bảo toàn 3 HS để cân đối đáp ứng đủ LĐ khi có biến động; Hiện đang đào tạo 11 HS Công nhân CN sợi

4.3 Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động:

- Công ty đã luôn quan tâm giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người LĐ. Tiền lương và các khoản thu nhập khác như lễ, tết, sinh nhật, Lương tháng 13,... luôn trả đầy đủ đúng kỳ hạn. Thu nhập BQ năm 2019 : 7.378.000 đ/người/tháng – tăng 6% so với cùng kỳ năm 2018.

- Công ty đã trích nộp BHYT, BHTN, BHXH đầy đủ theo quy định.

- Công tác BHLĐ được quan tâm chu đáo. Quần áo, trang bị, dụng cụ BHLĐ theo quy định được trang cấp đầy đủ kịp thời.

4.4 Về công tác an toàn lao động, PCCN

Công tác ATVSLĐ, PCCN, phòng chống thiên tai thường xuyên được đặc biệt quan tâm. Lãnh đạo các đơn vị cùng với Công đoàn đã thường xuyên tuyên truyền nhắc nhở người lao động nêu cao ý thức chấp hành các quy trình, quy định về ATVSLĐ, PCCN. Hàng tháng tất cả CNCNV toàn Công ty đều ký sổ an toàn. Trong năm 2019 Ban an toàn Công ty cùng đại diện các đơn vị liên quan đã tổ chức kiểm tra định kỳ mỗi quý 1 lần và có biên bản đánh giá kết luận để các đơn vị khắc phục kịp thời những tồn tại. Thông qua các đợt kiểm tra, các đơn vị đã có ý thức trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về ATVSLĐ, PCCN.

Trong năm 2019 Công ty không để xảy ra vụ tai nạn nào.

Về phòng chống cháy nổ Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2019 đã đầu tư các thiết bị PCCN như bình cứu hỏa, vòi cứu hỏa ...

Trong năm 01 vụ bén cháy nhỏ tại Nhà máy sợi 1 do chập điện. Tuy nhiên do công tác PCCN đã được chuẩn bị chu đáo nên đã kịp thời xử lý ngay không ảnh hưởng đến SX.

5. Về công tác kiểm soát hàng tồn kho, chậm luân chuyển:

- Do đầu năm lượng bông tồn kho lên đến 2.600 tấn nên trong năm công ty đã điều chỉnh mua bông về ít để sử dụng hết lượng tồn kho cao năm ngoái, đưa hàng tồn kho cuối năm về 1.500 tấn. Công tác bảo quản kho bông luôn được chú trọng đặc biệt là phòng chống cháy nổ, quản lý sắp xếp bông khi có sự cố mưa lũ lụt. Do đó đến cuối năm 2019, lượng tồn kho bông về ngưỡng an toàn, chất lượng bông đảm bảo phục vụ sản xuất.

- Sợi năm 2019 tình hình thị trường xấu nhất trong các năm gần đây, bông cũ giá cao dẫn đến giá thành cao, giá sợi trên thị trường giảm sâu, sức mua cũng giảm nên công tác tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn. Công ty phải cân đối giữa tiêu thụ và duy trì sản xuất để bảo đảm ổn định các mặt nhất là tâm lý và thu nhập cho người lao động do. Tuy nhiên có những thời điểm trong năm 2019 do tình hình khó khăn nên lượng tồn kho có lúc lên đến 2.000 tấn. Đến ngày 31/12/2019 cùng với sự cố gắng tiêu thụ của phòng kinh doanh cũng như chiến lược giảm kế hoạch sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế, sợi tồn kho đã giảm xuống khoảng 1.000 tấn. Đây là sự cố gắng rất lớn của công ty trong tình hình thị trường khó khăn hiện nay. Để bảo quản chất lượng sợi cung ứng đến khách hàng một cách tốt nhất, công ty luôn chú trọng ưu tiên bán hàng tồn kho lâu ngày của công ty nên các mặt hàng sợi lâu ngày trong kho đã phần lớn được giải phóng.

- Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng tiêu thụ nhưng giá khách hàng trả thấp hơn nhiều so với giá thành nên cũng chỉ chốt các hợp đồng với số lượng vừa phải.

- Đối với vật tư phụ tùng, Công ty đã kiểm soát chặt chẽ các nhu cầu đặt hàng để tiết giảm chi phí đồng thời hạn chế hàng tồn kho. Hiện nay việc quản lý mua sắm, sử dụng tại các nhà máy chặt chẽ hơn nên vật phụ tùng đặt mua đều sử dụng ngay, không tồn kho nhiều nữa.

6. Về công tác đầu tư đổi mới, sửa chữa của Công ty

Năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai các hạng mục còn lại khoảng 30% của dự án đầu tư chiều sâu dây chuyền sợi nội cộc bao gồm 11 gói thầu thiết bị phụ tùng với tổng giá trị gần 69 tỷ đồng, nghiệm thu vào ngày 28/12/2019. Bao gồm: Đầu tư dây chuyền bông chải; máy đánh ống; máy ghép cúi; thùng cúi cho máy chải, máy ghép; máy tách xơ ngoại lai; máy lọc bụi; máy kéo sợi thô.

Với chủ trương đầu tư đổi mới thiết bị của công ty năm 2019, đã nâng cao chất lượng sợi của công ty nhằm cạnh tranh với thị trường trong nước, cũng như mở rộng xuất khẩu ra nước ngoài.

II. Tình hình tài chính:

Năm 2019 tình hình tài chính của công ty gặp rất nhiều khó khăn do việc mất cân đối tài chính. Cụ thể:

- Năm 2018 công ty mất cân đối khoảng 18 tỷ thì trong năm 2019 đã tăng lên 54 tỷ đồng do công ty sử dụng 45% nguồn vốn tự có để tài trợ cho chương trình đầu tư chiều sâu đổi mới

thiết bị từ cuối năm 2018. Ngoài ra, trong năm 2019 Ngân Hàng Nhà Nước thắt chặt việc cho vay ngoại tệ vì vậy công ty phải vay bằng đồng VND với lãi suất cao hơn lãi suất khi vay USD. Lãi suất cho vay của các ngân hàng trong năm 2019 tăng từ 0.5-1.5 % so với năm 2018. Các yếu tố trên tác động trực tiếp đến chi phí tài chính của công ty cụ thể: Chi phí tài chính năm 2019 là 20,4 tỷ đồng tăng 2,13 tỷ đồng (11,69%) so với năm 2018.

- Việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, giá sợi giảm rất sâu, sức mua đối với thị trường cũng giảm rất nhiều khiến việc càn bán càng lỗ.

Biểu 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	TÀI SẢN	31/12/2019	01/01/2019	SO SÁNH	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
		1	2	3=1-2	4=1/2
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	367.695.038.614	491.214.004.307	(123.518.965.693)	74,85%
I	Tài sản ngắn hạn	201.199.775.129	351.929.085.936	(150.729.310.807)	57,17%
a	Tiền và các khoản đầu tư TC ngắn hạn	9.006.487.769	8.507.446.032	499.041.737	105,87%
b	Các khoản phải thu ngắn hạn	71.092.107.932	114.583.566.991	(43.491.459.059)	62,04%
	<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng</i>	<i>74.744.895.979</i>	<i>111.420.708.611</i>	<i>(36.675.812.632)</i>	<i>67,08%</i>
c	Hàng tồn kho	120.494.882.242	223.775.539.570	(103.280.657.328)	53,85%
d	Tài sản ngắn hạn khác	606.297.186	5.062.533.343	(4.456.236.157)	11,98%
II	Tài sản dài hạn	166.495.263.485	139.284.918.371	27.210.345.114	119,54%
a	Tài sản cố định	160.710.329.335	104.092.053.284	56.618.276.051	154,39%
b	ĐTTT dài hạn & Tài sản dài hạn khác	5.784.934.150	35.192.865.087	(29.407.930.937)	16,44%
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	367.695.038.614	491.214.004.307	(123.518.965.693)	74,85%
I	Nợ phải trả	333.338.823.721	421.634.137.058	(88.295.313.337)	79,06%
a	Nợ ngắn hạn	274.215.580.071	364.826.753.954	(90.611.173.883)	75,16%
	<i>Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>221.874.185.471</i>	<i>324.424.524.289</i>	<i>(102.550.338.818)</i>	<i>68,39%</i>
	<i>Phải trả người bán</i>	<i>38.969.768.922</i>	<i>20.774.687.649</i>	<i>18.195.081.273</i>	<i>187,58%</i>
b	Nợ dài hạn	59.123.243.650	56.807.383.104	2.315.860.546	104,08%
II	Vốn chủ sở hữu	34.356.214.893	69.579.867.249	(35.223.652.356)	49,38%
a	Vốn chủ sở hữu	34.356.214.893	69.579.867.249	(35.223.652.356)	49,38%
	<i>Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>33.600.000.000</i>	<i>33.600.000.000</i>	<i>-</i>	<i>100,00%</i>
	Quỹ đầu tư phát triển	27.777.952.653	25.727.474.004	2.050.478.649	107,97%
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP				
	- Kỳ trước	3.565.491.637	2.470.598.850	1.094.892.787	144,32%
	- Kỳ này	(30.587.229.397)	7.781.794.395	(38.369.023.792)	-393,06%

(Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán)

Biểu 2 :**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính : Đồng VN

TT	CHỈ TIÊU	2019	2018	SO SÁNH	
				Tuyệt đối	(%)
1	TỔNG DOANH THU	928.463.906.653	941,352,586,792	(12.888.680.139)	98,63%
a	Doanh thu thuần b/hàng và CCDV	922.133.247.398	937,720,613,426	(15.587.366.028)	98,34%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	2.681.668.411	2,599,388,448	82.279.963	103,17%
c	Thu nhập khác	3.648.990.844	1,032,584,918	2.616.405.926	353,38%
2	TỔNG CHI PHÍ	959.051.136.050	931,335,129,483	27.716.006.567	102,98%
a	Giá vốn bán hàng	895.065.019.663	861,604,871,882	33.460.147.781	103,88%
b	Chi phí tài chính	20.424.212.552	18,287,068,729	2.137.143.823	111,69%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>18.489.822.803</i>	<i>11,150,445,462</i>	<i>7.339.377.341</i>	<i>165,82%</i>
c	Chi phí bán hàng	20.717.652.407	23,572,996,740	(2.855.344.333)	87,89%
d	Chi phí quản lý	21.513.491.718	27,129,933,346	(5.616.441.628)	79,30%
e	Chi phí khác	1.330.759.710	740,258,786	590.500.924	179,77%
3	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(30.587.229.397)	10,017,457,309	(40.604.686.706)	-305,34%
a	SXKD chính	(32.905.460.531)	9,725,131,177	(42.630.591.708)	-338,35%
b	Lợi nhuận khác	2.318.231.134	292,326,132	2.025.905.002	793,03%
4	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(30.587.229.397)	7,781,794,395	(38.369.023.792)	-393,06%
5	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	(9.103)	1.936	(11.039)	-470,21%

(Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán)

Nhận xét:**Tài sản và nguồn vốn:**

- Tổng tài sản năm 2019 là 367.695 triệu đồng, giảm 123.518 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 25,15 % so với năm 2018.

Trong đó: + Tài sản ngắn hạn 201.199 triệu đồng giảm 150.729 triệu đồng (giảm 42,83%), tài sản dài hạn là 166.495 triệu đồng tăng 27.210 triệu đồng (giảm 19,54%).

+ Nợ phải trả 333.338 triệu đồng giảm 88,295 triệu đồng (giảm 20,94%), vốn chủ sở hữu 34.356 triệu đồng giảm 35.223 triệu đồng (giảm 50,62%).

- Mất cân đối nguồn vốn theo BCTC 73 tỷ đồng.

Hàng tồn kho :

- Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2019 là 120.494 triệu đồng giảm 103.280 triệu đồng (giảm 46,15%) so với năm 2018. Hàng tồn kho chiếm 32,77% tổng tài sản, trong đó chủ yếu:

Nội dung	31/12/2019	01/01/2019	CHÈNH LỆCH	
			GIÁ TRỊ	(%)
Nguyên liệu, vật liệu	57.408.547.048	122.622.721.533	(65.214.174.485)	(53,18%)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.527.198.297	19.362.660.755	(8.835.462.458)	(45,63%)
Thành phẩm	49.993.746.635	73.431.601.481	(23.437.854.846)	(31,92%)
Hàng hóa	2.052.853.647	7.877.379.103	(5.824.525.456)	(73,94%)

Tình hình hàng tồn kho giảm mạnh so với đầu năm. Trong đó tỉ lệ giảm nhiều nhất là nguyên liệu, vật liệu giảm 65.214 triệu (~ 53,18%) và thành phẩm giảm 23.437 triệu đồng (~ 31,92%). Nguyên vật liệu giảm do tồn kho đầu năm 2019 lớn nên Công ty đã đẩy mạnh giảm nhập nguyên vật liệu để cân đối cho phù hợp với tình hình tài chính của công ty.

Sản lượng (Tấn)	Năm 2019	Năm 2018
Nhập kho	15.030	19.294
Xuất kho	15.542	18.116

Thành phẩm giảm do tình hình chiến tranh thương mại Mỹ Trung nên thị trường nhu cầu giảm sút, giá sợi giảm sâu nên Công ty đã giảm lượng sản xuất trong năm.

Công nợ :

- Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2019 : 71.092 triệu đồng,

Trong đó:

+ Phải thu của khách hàng : 74.744 triệu đồng

+ Ứng trước cho người bán 863 triệu đồng,

+ Phải thu khác 326 triệu đồng,

- Công nợ phải thu khách hàng giảm 36.675 triệu đồng (~ giảm 32,92%) so với cùng kỳ năm 2018 cho thấy trong năm 2019 công ty đã kiểm soát rất tốt tình hình công nợ.

- Năm 2019, công ty đã lập dự phòng cho khoản nợ khó đòi 447 triệu đồng đưa tổng số trích lập dự phòng lên 4.842 triệu đồng.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019 là 333.338 triệu giảm 88.295 triệu đồng (~ giảm 20,94 %) so với cùng kỳ, trong đó nợ ngắn hạn giảm 90.611 triệu đồng, nợ dài hạn tăng 2.315 triệu đồng.

- So sánh giữa công nợ phải thu và công nợ phải trả của khách hàng cho thấy công nợ phải trả gấp 4.6 lần công nợ phải thu, điều này cho thấy công ty thu hồi công nợ tốt.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu 9,7 lần trong khi đó quy định ≤ 3 lần cho thấy công ty đang gặp rủi ro trong việc trả nợ, công ty càng gặp khó khăn trong việc đi vay ngân hàng.

Doanh thu :

- Tổng doanh thu và thu nhập đạt 928.463 triệu đồng, giảm 12.888 triệu đồng hay giảm 1,37%. Trong đó doanh thu thuần đạt 922.133 triệu đồng, giảm 15.587 triệu đồng hay giảm 1,66% so với năm 2018. Nguyên nhân: năm 2019, chiến tranh thương mại kéo dài nên tình hình tiêu thụ của công ty gặp rất nhiều trở ngại.

Chi phí :

- Tổng chi phí SXKD của Công ty năm 2019 là: 959.051 triệu đồng, tăng 27.716 triệu đồng tăng 2,98% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

+ *Chi phí tài chính* tăng 2.137 triệu đồng ~ 11,69% so năm 2018, trong đó chi phí lãi vay tăng 7.339 triệu đồng ~ 65,82% do 2 nguyên nhân:

Một là, dư nợ bình quân năm 2019 tăng cao so với năm 2018.

Hai là, do trong năm 2019 NHNN thắt chặt việc vay ngoại tệ do đó công ty cân đối lại tỷ lệ vay VND và vay USD trong khi lãi suất VND gấp đôi so với lãi suất USD, ngoài ra thì trong năm lãi suất USD tăng so với năm 2018.

Chi phí tài chính chiếm 2,13% tổng chi phí và chiếm 1,99% doanh thu.

+ *Chi phí bán hàng* giảm: 2.855 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 12,11%. Nguyên nhân là trong năm tiêu thụ ít hơn 2018. Ngoài ra, do tình hình tiêu thụ khó khăn, đơn giá sợi giảm nên công ty đã tích cực đàm phán với đối tác vận chuyển hỗ trợ công ty trong lúc khó khăn bằng cách giảm đơn giá vận chuyển.

Chi phí bán hàng chiếm 2,16% tổng chi phí và chiếm 2,53% doanh thu.

+ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* giảm 5.616 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 20,7%. Do năm 2019 có trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 447 triệu so với năm 2018 là : 4.307 triệu đồng,

Và một số yếu tố khác như: chi phí nhân viên giảm do sắp xếp lại lao động gián tiếp, thuê đất,....

Lợi nhuận :

- Kết quả SXKD năm 2019: lợi nhuận trước thuế Công ty lỗ 30.587 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế lỗ 30.587 triệu đồng giảm 38.369 triệu đồng so với năm 2018.

- Lãi cơ bản trên một cổ phiếu là -9.103 đồng

Một số chỉ tiêu tổng hợp đánh giá hiệu quả của Công ty trong năm 2019 :

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019	Xu hướng
Khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0.96	0,73	↓
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.35	0,29	↓
Chỉ số hoạt động					
3	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	68.5	70,20	↑
4	Ngày thu tiền bình quân	Ngày	34.8	36,75	↑
5	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	3.4	3.33	↓
Kết cấu nguồn vốn					
6	Hệ số nợ /Tổng tài sản	Lần	0.86	0,91	↑
7	Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	6.06	9,70	↑
Kết cấu chi phí					
8	Giá vốn bán hàng/Doanh thu thuần	%	91.9	97,06	↑
9	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	2.5	2,25	↓
10	Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	%	2.9	2,33	↓
11	Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	2.0	2,20	↑
Hiệu quả hoạt động					
12	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.9	2,51	↑
13	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.83	(3,32)	↓
14	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	1.58	(8,32)	↓
15	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(ROE)	%	11.18	(89,03)	↓

Qua bảng trên ta thấy :

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả SXKD và khả năng sinh lời của công ty trong năm 2019 đều thấp, nguyên nhân là do lợi nhuận trong năm 2019 không đạt kế hoạch đề ra. Mặt khác Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu là 9.7 lần là quá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Làm tăng rủi ro về mặt tài chính của doanh nghiệp. Công ty cần có các giải pháp để giảm hệ số này xuống ở mức độ an toàn.

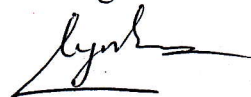
Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành của quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ.

Xin kính chúc sức khỏe các quý vị cổ đông, chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin chân thành cảm ơn!

Thay mặt Ban Kiểm Soát

Trưởng ban



Nguyễn Khánh Ly